

UBND XÃ SƠN CẨM HÀ
PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

PHÊ DUYỆT HỒ SƠ HỖ TRỢ KINH PHÍ XÂY MỘ LIỆT SĨ AN TÁNG NGOÀI NGHĨA TRANG LIỆT SĨ GIAI ĐOẠN 2025-2027 CỦA XÃ SƠN CẨM HÀ THEO
QUYẾT ĐỊNH SỐ 891/QĐ-UBND NGÀY 08/4/2025 CỦA UBND TỈNH QUẢNG NAM NĂM 2025 (ĐÃ HOÀN THÀNH)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-VHXH ngày / /2025 của Phòng Văn hóa - Xã hội xã Sơn Cẩm Hà)

STT	Họ và tên Liệt sĩ	Nguyên quán (xã, huyện)	Số bằng TQGC (Trường hợp không có số bằng thì ghi số hồ sơ quản lý tại cấp tỉnh)	Địa chỉ an táng mộ (ghi rõ thôn/bản, xã, huyện)	Tình trạng mộ (ghi rõ một trong bốn loại: Mộ ốp đá granite, mộ ốp gạch men, mộ vôi vữa, mộ đất)	Họ và tên thân nhân	Năm sinh	Hiện ở	Mối quan hệ với Liệt sĩ	Kinh phí (ĐVT: đồng/mộ)
I	Tiên Sơn (cũ): 84 mộ									840.000.000
1	Lê Thị Tư	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước		Thôn 1, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Nguyễn Thị Thanh Từ	1963	Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
2	Nguyễn Thị Khế	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước		Thôn 1, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Trần Đình Đăng	1955	Xã Sơn Cẩm Hà	Con	10.000.000
3	Nguyễn Thị Minh	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 438/QĐ- CTN ngày 24/4/1995	Thôn 1, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Nguyễn Xuân Bửu	1957	Xã Sơn Cẩm Hà	Con	10.000.000
4	Nguyễn Thị Đình	Thôn 2, Xã Sơn Cẩm Hà	ET282cm	Thôn 2, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Trần Văn Thời	1957	Thôn 2, Xã Sơn Cẩm Hà	Con	10.000.000
5	Hồ Viết Bô	Thôn 2, Xã Sơn Cẩm Hà	3Y902c	Thôn 2, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Hồ Viết Dũng	1955	Thôn 2, Xã Sơn Cẩm Hà	Con	10.000.000
6	Nguyễn Đột	Thôn 2, Xã Sơn Cẩm Hà	DN656cm	Thôn 2, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Nguyễn Thị Hiền	1954	Thôn 2, Xã Sơn Cẩm Hà	Con	10.000.000
7	Nguyễn Thị Mòn	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ số 394/QĐ- CTN ngày 17/12/1994	Thôn 2, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Hồ Viết Dũng	1955	Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
8	Đoàn Thị Tác	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 3535/QĐ- CTN ngày 31/12/2014	Thôn 2, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Triệu Tấn Phụng	1943	Xã Sơn Cẩm Hà	Con	10.000.000
9	Nguyễn Thị Châu	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 141/QĐ- CTN ngày 21/1/2009	Thôn 3, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Dương Văn Hà	1962	Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
10	Nguyễn Thị Lương	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước		Thôn 3, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Trần Minh Hoàng	1964	Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
11	Võ Tấn Nhân	Thôn 4, Xã Sơn Cẩm Hà	EO412km	Thôn 4, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Võ Thị Hành	1975	Thôn 4, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
12	Võ Văn Khâm	Thôn 4, Xã Sơn Cẩm Hà	EO415km	Thôn 4, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Võ Thị Hành	1975	Thôn 4, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000

STT	Họ và tên Liệt sĩ	Nguyên quán (xã, huyện)	Số bằng TQGC (Trường hợp không có số bằng thì ghi số hồ sơ quản lý tại cấp tỉnh)	Địa chỉ an táng mộ (ghi rõ thôn/bản, xã, huyện)	Tình trạng mộ (ghi rõ một trong bốn loại: Mộ ốp đá granite, mộ ốp gạch men, mộ vôi vữa, mộ đất)	Họ và tên thân nhân	Năm sinh	Hiện ở	Mối quan hệ với Liệt sĩ	Kinh phí (ĐVT: đồng/mộ)
13	Trần Lịch	Thôn 4, Xã Sơn Cẩm Hà	HPB 795cm	Thôn 4, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Trần Thị Tự	1962	Thôn 4, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
14	Đoàn Thị Vân	Thôn 4, Xã Sơn Cẩm Hà	2I133b	Thôn 4, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Đoàn Văn Hồng	1945	Thôn 4, Xã Sơn Cẩm Hà	Anh	10.000.000
15	Lê Văn Tơ	Thôn 4, Xã Sơn Cẩm Hà	5B298b	Thôn 4, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Đoàn Thị Sáu	1967	Thôn 4, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
16	Nguyễn Trọng	Thôn 4, Xã Sơn Cẩm Hà	4M489c	Thôn 4, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Nguyễn Văn Bằng	1954	Thôn 4, Xã Sơn Cẩm Hà	Anh	10.000.000
17	Nguyễn Xuân	Thôn 4, Xã Sơn Cẩm Hà	3I344k	Thôn 4, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Nguyễn Tấn Sơn	1965	Thôn 4, Xã Sơn Cẩm Hà	Con	10.000.000
18	Bùi Thị Đù	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ số 794/QĐ- CTN ngày 24/7/2007	Thôn 4, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Võ Thị Hành	1975	Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
19	Võ Thị Phước	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	1516/QĐ-CTN Ngày 29/7/2015	Thôn 4, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Đoàn Long Thành	1979	Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
20	Nguyễn Thị Quới	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 438/QĐ- CTN ngày 24/4/1995	Thôn 4, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Nguyễn Thị Vân	1964	Xã Sơn Cẩm Hà	Con dâu	10.000.000
21	Ngô Thị Truyen	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 1516/QĐ- CTN Ngày 29/7/2015	Thôn 4, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Trần Thị Thanh Nhân	1972	Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
22	Nguyễn Thị Rành	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước		Thôn 4, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Võ Kỳ Châu	1967	Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
23	Trần Thị Cờ	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 65/QĐ-CTN ngày 13/1/2005	Thôn 4, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Nguyễn Văn Mật	1963	Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
24	Nguyễn Thị Ra	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước		Thôn 4, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Đoàn Thị Sáu	1967	Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
25	Trần Thị Thí	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 1757/QĐ- CTN Ngày 25/7/2014	Thôn 4, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Đoàn Đăng	1954	Xã Sơn Cẩm Hà	Con	10.000.000
26	Dũ Thị Tép	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 1516/QĐ- CTN Ngày 29/7/2015	Thôn 4, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Nguyễn Tấn Sơn	1965	Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
27	Nguyễn Thị Hoách	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 113/QĐ- CTN ngày 14/01/2016	Thôn 4, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Nguyễn Thị Kim Phượng	1974	Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000

STT	Họ và tên Liệt sĩ	Nguyên quán (xã, huyện)	Số bằng TQGC (Trường hợp không có số bằng thì ghi số hồ sơ quản lý tại cấp tỉnh)	Địa chỉ an táng mộ (ghi rõ thôn/bản, xã, huyện)	Tình trạng mộ (ghi rõ một trong bốn loại: Mộ ốp đá granite, mộ ốp gạch men, mộ vôi vữa, mộ đất)	Họ và tên thân nhân	Năm sinh	Hiện ở	Mối quan hệ với Liệt sĩ	Kinh phí (ĐVT: đồng/mộ)
28	Huỳnh Quyết	Xã Sơn Cẩm Hà	EP477km	Thôn 4, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Huỳnh Thị Thiệt	1954	Thôn 5, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
29	Lê Nuôi	Xã Sơn Cẩm Hà	CD453cm	Thôn 5, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Lê Quang Trung	1964	Thôn 5, Xã Sơn Cẩm Hà	Con	10.000.000
30	Huỳnh Thanh Trung	Thôn 5, Xã Sơn Cẩm Hà	ĐE147km	Thôn 5, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Huỳnh Thanh Tuấn	1958	Thôn 5, Xã Sơn Cẩm Hà	Con	10.000.000
31	Trần Thị Hương	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	1757/QĐ-CTN Ngày 25/7/2014	Thôn 5, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Lê Quang Trung	1964	Xã Sơn Cẩm Hà	Con	10.000.000
32	Nguyễn Thị Trinh	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước		Thôn 5, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Đặng Tấn Minh	1965	Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
33	Đặng Thị Đọt	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ số 794/QĐ- CTN ngày 24/7/2007	Thôn 5, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Đặng Thị Nhí	1940	Xã Sơn Cẩm Hà	Dâu	10.000.000
34	Hồ Điện	Xã Sơn Cẩm Hà	DE594cm	Thôn 6, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Hồ Văn Tiền	1958	Thôn 6, Xã Sơn Cẩm Hà	Con	10.000.000
35	Nguyễn Văn Tường	Thôn 6, Xã Sơn Cẩm Hà	CZ331km	Thôn 6, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Nguyễn Văn Tam	1970	Thôn 6, Xã Sơn Cẩm Hà	Con	10.000.000
36	Nguyễn Văn Vi	Thôn 6, Xã Sơn Cẩm Hà	CZ352km	Thôn 6, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Nguyễn Văn Tam	1970	Thôn 6, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
37	Cao Văn Nhiều	Thôn 6, Xã Sơn Cẩm Hà	3T099b	Thôn 6, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Cao Văn Trung	1977	Thôn 6, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
38	Cao Thị Kế	Thôn 6, Xã Sơn Cẩm Hà	HK-424km	Thôn 6, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Cao Văn Trung	1977	Thôn 6, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
39	Nguyễn Thị Mưu	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước		Thôn 6, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Cao Văn Tương	1941	Xã Sơn Cẩm Hà	Em	10.000.000
40	Cao Thị Nguyễn	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 1516/QĐ- CTN Ngày 29/7/2015	Thôn 6, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Nguyễn Văn Tam	1970	Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
41	Nguyễn Thị Châm	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 1757/QĐ- CTN Ngày 25/7/2014	Thôn 6, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Cao Văn Trung	1977	Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
42	Đặng Thị Bông	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước		Thôn 6, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Đặng Văn Tám	1954	Xã Sơn Cẩm Hà	Con	10.000.000

STT	Họ và tên Liệt sĩ	Nguyên quán (xã, huyện)	Số bằng TQGC (Trường hợp không có số bằng thì ghi số hồ sơ quản lý tại cấp tỉnh)	Địa chỉ an táng mộ (ghi rõ thôn/bản, xã, huyện)	Tình trạng mộ (ghi rõ một trong bốn loại: Mộ ốp đá granite, mộ ốp gạch men, mộ vôi vữa, mộ đất)	Họ và tên thân nhân	Năm sinh	Hiện ở	Mối quan hệ với Liệt sĩ	Kinh phí (ĐVT: đồng/mộ)
43	Lê Thị Khi	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước		Thôn 6, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Cao Văn Ngọc	1955	Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
44	Cao Thị Hưng	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ số 794/QĐ- CTN ngày 24/7/2007	Thôn 6, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Nguyễn Thị Lược	1954	Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
45	Huỳnh Thị Đò	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 769/QĐ- CTN ngày 20/04/2016	Thôn 6, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Nguyễn Văn Sơn	1954	Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
46	Trương Thị Lá	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 402/QĐ- CTN ngày 2/7/2003	Thôn 6, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Cao Xuân Việt	1967	Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
47	Trần Ngân	Tiên Cẩm, Tiên Phước	AP.878 cp	Thôn Cẩm Lãnh, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Nguyễn Duy Lai	1959	Thôn Cẩm Tây, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
48	Phan Đình Thê	Tiên Cẩm, Tiên Phước	BR.149cm	Thôn Cẩm Tây, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Phan Đình Nguyên	1977	Thôn Cẩm Tây, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
49	Trần Thị Lịch	Tiên Cẩm, Tiên Phước	GC.897cm	Thôn Cẩm Lãnh, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Nguyễn Viết Chanh	1963	Thôn Cẩm Tây, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
50	Đào Thị Thờ	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước		Thôn Cẩm Tây, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Phan Hồng Phong	1950	Thôn Cẩm Tây Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
51	Nguyễn Thị Văn	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 465/QĐ- CTN Ngày 19/3/2015	Thôn Cẩm Tây, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Nguyễn Hữu Hải	1967	Thôn Cẩm Tây Xã Sơn Cẩm Hà	Con	10.000.000
52	Phan Thị Phạn	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước		Thôn Cẩm Tây, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Nguyễn Thị Hải	1957	Thôn Cẩm Tây Xã Sơn Cẩm Hà	Con dâu	10.000.000
53	Nguyễn Thị Trí	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước		Thôn Cẩm Tây, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Trần Văn Lào	1964	Thôn Cẩm Tây Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
54	Nguyễn Thị Kinh	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước		Thôn Cẩm Tây, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Nguyễn Loạt	1950	Thôn Cẩm Tây Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
55	Lê Thị Quy	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 2058/QĐ- CTN ngày 19/8/2014	Thôn Cẩm Tây, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Nguyễn Văn Chính	1961	Thôn Cẩm Tây Xã Sơn Cẩm Hà	Con	10.000.000
56	Trần Thị Ghi	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 438/KT-CTN ngày 24/4/1995	Thôn Cẩm Tây, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Nguyễn Thị Xuân	1970	Thôn Cẩm Tây Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
57	Huỳnh Thị Kịch	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 465/QĐ- CTN Ngày 19/3/2015	Thôn Cẩm Tây, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Phan Văn Thoan	1948	Thôn Cẩm Tây Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000

STT	Họ và tên Liệt sĩ	Nguyên quán (xã, huyện)	Số bằng TQGC (Trường hợp không có số bằng thì ghi số hồ sơ quản lý tại cấp tỉnh)	Địa chỉ an táng mộ (ghi rõ thôn/bản, xã, huyện)	Tình trạng mộ (ghi rõ một trong bốn loại: Mộ ốp đá granite, mộ ốp gạch men, mộ vôi vữa, mộ đất)	Họ và tên thân nhân	Năm sinh	Hiện ở	Mối quan hệ với Liệt sĩ	Kinh phí (ĐVT: đồng/mộ)
58	Hồ Thị Cẩn	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 465/QĐ- CTN Ngày 19/3/2015	Thôn Cẩm Tây, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Nguyễn Đức	1966	Tiên Kỳ	Cháu	10.000.000
59	Phan Anh	Tiên Cẩm, Tiên Phước	ER.643km	Thôn Cẩm Đông, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Phan Văn Hoa	1958	Thôn Cẩm Đông, Xã Sơn Cẩm Hà	Con	10.000.000
60	Nguyễn Khiết	Tiên Cẩm, Tiên Phước	2B126b	Thôn Cẩm Đông, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Nguyễn Đức Thuận	1964	Thôn Cẩm Đông, Xã Sơn Cẩm Hà	Con	10.000.000
61	Hồ Thị Xuyên	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 1516/QĐ- CTN ngày 29/7/2015	Thôn Cẩm Đông, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Nguyễn Văn Ngo	1957	Thôn Cẩm Đông Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
62	Nguyễn Thị Sừ	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 1516/QĐ- CTN ngày 29/7/2015	Thôn Cẩm Đông, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Nguyễn Văn Ngo	1957	Thôn Cẩm Đông Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
63	Nguyễn Thị Thanh	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 394/QĐ- CTN ngày 17/12/1994	Thôn Cẩm Đông, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Nguyễn Văn Ngo	1957	Thôn Cẩm Đông Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
64	Nguyễn Thị Đoan	Tiên Cẩm, Tiên Phước	ET281cm	Thôn Cẩm Lãnh, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Lê Thị Cẩm	1957	Thôn Cẩm Lãnh, Xã Sơn Cẩm Hà	con	10.000.000
65	Phạm Tấn	Tiên Cẩm, Tiên Phước	EZ.582cm	Thôn Cẩm Lãnh, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Phạm Thị Thu	1956	Phường An Sơn, TP. Tam Kỳ	Con	10.000.000
66	Huỳnh Thị Nãi	Tiên Cẩm, Tiên Phước		Thôn Cẩm Lãnh, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Nguyễn Thị Liên	1938	Thôn Cẩm Lãnh, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
67	Trần Trung	Tiên Cẩm, Tiên Phước	DQ. 969cm	Thôn Cẩm Lãnh, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Lê Phong	1962	Thôn Cẩm Lãnh, Xã Sơn Cẩm Hà	Anh	10.000.000
68	Trương Chi	Tiên Cẩm, Tiên Phước	BH.426cm	Thôn Cẩm Đông, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Nguyễn Thị Hứa	1931	Thôn Cẩm Lãnh, Xã Sơn Cẩm Hà	Vợ	10.000.000
69	Trương Long	Tiên Cẩm, Tiên Phước	IU.018k	Thôn Cẩm Đông, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Nguyễn Thị Hứa	1932	Thôn Cẩm Lãnh, Xã Sơn Cẩm Hà	Mẹ	10.000.000
70	Phan Đình Thiểu	Tiên Cẩm, Tiên Phước	EE. 396km	Thôn Cẩm Tây, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Phan Đình Tạng	1963	Thôn Cẩm Lãnh, Xã Sơn Cẩm Hà	Em	10.000.000
71	Nguyễn Thị Lạc	Tiên Cẩm Tiên Phước		Thôn Cẩm Lãnh, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Hồ Minh Hoa		Xã Tiên Lộc huyện Tiên Phước	Con	10.000.000
72	Phan Thị Xuân	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 394/QĐ- CTN ngày 17/12/1994	Thôn Cẩm Lãnh, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Bùi Văn Lương	1967	Thôn Cẩm Lãnh Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000

STT	Họ và tên Liệt sĩ	Nguyên quán (xã, huyện)	Số bằng TQGC (Trường hợp không có số bằng thì ghi số hồ sơ quản lý tại cấp tỉnh)	Địa chỉ an táng mộ (ghi rõ thôn/bản, xã, huyện)	Tình trạng mộ (ghi rõ một trong bốn loại: Mộ ốp đá granite, mộ ốp gạch men, mộ vôi vữa, mộ đất)	Họ và tên thân nhân	Năm sinh	Hiện ở	Mối quan hệ với Liệt sĩ	Kinh phí (ĐVT: đồng/mộ)
73	Trần Thị Tuất	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 394/QĐ- CTN ngày 17/12/1994	Thôn Cẩm Lãnh, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Bùi Văn Lương	1967	Thôn Cẩm Lãnh Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
74	Phan Thị Loát	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước		Thôn Cẩm Lãnh, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Võ Thị Hoàn	1963	Thôn Cẩm Lãnh Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
75	Nguyễn Thị Dy (Di)	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 132/QĐ- CTN ngày 09/3/2004	Thôn Cẩm Lãnh, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Nguyễn Thị Hương	1968	Thôn Cẩm Lãnh Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
76	Trần Thị Côi	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 3535/QĐ- CTN ngày 31/12/2014	Thôn Cẩm Lãnh, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Phạm Thanh Xuân	1956	Thôn Cẩm Lãnh Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
77	Lê Thị Tùng	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 394/QĐ- CTN ngày 17/12/1994	Thôn Cẩm Lãnh, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Phan Đình Mẫn	1955	Thôn Cẩm Lãnh Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
78	Nguyễn Thị Mót	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 794/QĐ- CTN ngày 24/7/2007	Thôn Cẩm Lãnh, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Nguyễn Thị Quế	1966	Thôn Cẩm Lãnh Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
79	Phan Thị Lương	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 402/QĐ- CTN ngày 2/7/2003	Thôn Cẩm Lãnh, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Võ Kim Tiến	1955	Thôn Cẩm Lãnh Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
80	Nguyễn Thị Hai	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước		Thôn Cẩm Lãnh, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Trần Thị Phước	1950	Thôn Cẩm Lãnh Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
81	Trần Thị Tào	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước		Thôn Cẩm Phô, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Hồ Viết Cọng	1967	Thôn Cẩm Phô Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
82	Nguyễn Thị Thiếp	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước		Thôn Cẩm Phô, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Nguyễn Thị Cẩm	1968	Thôn Cẩm Phô, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
83	Nguyễn Thị Đàm	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 841/KT-CTN	Thôn Cẩm Lãnh, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Lê Văn Luân	1939	Thôn Cẩm Lãnh, xã Tiên Cẩm	Cháu	10.000.000
84	Hồ Năm	Tiên Cẩm, Tiên Phước	Đd.704cm	Thôn Cẩm Phô, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Huỳnh Thị Xuân Lương	1965	Thôn Cẩm Phô, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
II	Xã Tiên Hà: 33 mộ									330.000.000
1	Nguyễn Hiếm	Xã Sơn Cẩm Hà, Tiên Phước	HB 771cm	Thôn Tài Thành, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Nguyễn Văn Hòa	1968	Thôn Tài Thành, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu dáu	10.000.000
2	Huỳnh Lục	Xã Sơn Cẩm Hà, Tiên Phước	4D869/CL	Thôn Đại Tráng, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Huỳnh Ngọc Cảnh	1963	Thôn Đại Tráng, Xã Sơn Cẩm Hà	Con trai	10.000.000

STT	Họ và tên Liệt sĩ	Nguyên quán (xã, huyện)	Số bằng TQGC (Trường hợp không có số bằng thì ghi số hồ sơ quản lý tại cấp tỉnh)	Địa chỉ an táng mộ (ghi rõ thôn/bản, xã, huyện)	Tình trạng mộ (ghi rõ một trong bốn loại: Mộ ốp đá granite, mộ ốp gạch men, mộ vôi vữa, mộ đất)	Họ và tên thân nhân	Năm sinh	Hiện ở	Mối quan hệ với Liệt sĩ	Kinh phí (ĐVT: đồng/mộ)
3	Trần Thị Thi	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 402/QĐ- CTN ngày 02/7/2003	Thôn Đại Tráng, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Trần Văn Sĩ	1942	Thôn Đại Tráng, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
4	Nguyễn Thị Huy	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 1757/QĐ- CTN ngày 25/7/2014	Thôn Đại Tráng, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Trần Thị Hương	1952	Thôn Đại Tráng, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
5	Nguyễn Thị Gấu	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước		Thôn Đại Tráng, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Huỳnh Ngọc Cảnh	1963	Thôn Đại Tráng, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
6	Lưu Thị Thang	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 402/QĐ- CTN ngày 2/7/2003	Thôn Đại Tráng, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Trần Tấn Hòa	1965	Thôn Đại Tráng, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
7	Nguyễn Thị Xí	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 841-KT/CTN ngày 24/4/1996	Thôn Đại Tráng, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Trần Văn Sĩ	1942	Thôn Đại Tráng, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
8	Trần Bác	Xã Sơn Cẩm Hà, Tiên Phước	B - 675cm	Thôn Đại Tráng, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Trần Thị Hồng Lạc	1955	Điện Trung, thị xã Điện Bản	Con	10.000.000
9	Nguyễn Tác	Xã Sơn Cẩm Hà, Tiên Phước	BH 405cm	Thôn Trung An, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Nguyễn Văn Chiêu	1952	Thôn Trung An, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
10	Dũ Nhạn	Xã Sơn Cẩm Hà, Tiên Phước	3S895km /CL	Thôn Trung An, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Dũ Thanh Thủy	1965	Thôn Trung An, Xã Sơn Cẩm Hà	Em ruột	10.000.000
11	Trần Thị Càn	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 465/QĐ- CTN ngày 19.3.2015	Thôn Trung An, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Nguyễn Văn Chiêu	1952	Thôn Trung An, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
12	Nguyễn Thị Thỏ	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 2058/QĐ- CTN ngày 19/8/2014	Thôn Trung An, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Nguyễn Đức	1968	Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
13	Lê Thị Quán	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	113/QĐ-CTN ngày 14/01/2016	Thôn Trung An, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Nguyễn Thị Tâm	1954	Thôn Trung An, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
14	Nguyễn Thị Thừa	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 465/QĐ- CTN ngày 19.3.2015	Thôn Trung An, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Huỳnh Chậm	1943	Thôn Trung An, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
15	Nguyễn Thị Bếp	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 438 KT/CTN ngày 24/4/1995	Thôn Trung An, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Trịnh Xuân Khoa	1946	Thôn Trung An, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
16	Nguyễn Thị Cửu	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 520 KT/CTN ngày 27/02/1995	Thôn Trung An, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Nguyễn Thêm	1955	Bà Rịa Vũng Tàu	Cháu rể	10.000.000
17	Nguyễn Tấn	Xã Sơn Cẩm Hà, Tiên Phước	CZ 347 KM	Thôn Phú Vinh, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Nguyễn Thị Đào	1968	Thôn Phú Vinh, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000

STT	Họ và tên Liệt sĩ	Nguyên quán (xã, huyện)	Số bằng TQGC (Trường hợp không có số bằng thì ghi số hồ sơ quản lý tại cấp tỉnh)	Địa chỉ an táng mộ (ghi rõ thôn/bản, xã, huyện)	Tình trạng mộ (ghi rõ một trong bốn loại: Mộ ốp đá granite, mộ ốp gạch men, mộ vôi vữa, mộ đất)	Họ và tên thân nhân	Năm sinh	Hiện ở	Mối quan hệ với Liệt sĩ	Kinh phí (ĐVT: đồng/mộ)
18	Nguyễn Thị Rinh	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 3535/QĐ- CTN ngày 31/12/2014	Thôn Phú Vinh, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Nguyễn Tấn Vịnh	1965	Thôn Phú Vinh, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
19	Nguyễn Sô	Xã Sơn Cẩm Hà, Tiên Phước	DE 612cm	Thôn Phú Vinh, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Nguyễn Tấn Vịnh	1960	Thôn Phú Vinh, Xã Sơn Cẩm Hà	Con	10.000.000
20	Huỳnh Thị Rô	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước		Thôn Phú Vinh, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Võ Văn Liêm	1965	Thôn Phú Vinh, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
21	Nguyễn Thị Muôn	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 2542/QĐ- CTN ngày 2/12/2016	Thôn Phú Vinh, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Võ Vĩnh Lợi	1955	Thôn Phú Vinh, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
22	Trương Thị Đưa	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 3535 QĐ/CTN ngày 31/12/2014	Thôn Phú Vinh, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Đô Minh Tâm	1962	Thôn Phú Vinh, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
23	Phan Thị Triêm	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 841 KT/CTN ngày 24/4/1996	Thôn Phú Vinh, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Nguyễn Thị Hoa Mai	1956	Thôn Phú Vinh, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
24	Trương Thị Luyến	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 3535/QĐ- CTN ngày 31/12/2014	Thôn Phú Vinh, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Nguyễn Thị Dung	1968	Thôn Phú Vinh, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
25	Nguyễn Thị Mỹ	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 1757/QĐ- CTN Ngày 25/7/2014	Thôn Phú Vinh, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Võ Thị Việt	1927	Thôn Phú Vinh, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
26	Nguyễn Văn	Xã Sơn Cẩm Hà, Tiên Phước	EP 604	Thôn Tiên Tráng, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Nguyễn Đức	1968	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	Cháu	10.000.000
27	Nguyễn Thị Đa	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 138 KT/CTN ngày 24/4/1995	Thôn Tiên Tráng, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ đất	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	1972	Thôn Tiên Tráng, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
28	Phan Thị Tiết	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 522 KT/CTN ngày 27/5/1985	Thôn Tiên Tráng, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Lưu Công Sự	1952	Thôn Trung An, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
29	Huỳnh Thị Định	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 685/QĐ- CTN ngày 25/5/2010	Thôn Tiên Tráng, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Nguyễn Thị Thanh Thủy	1978	Thôn Tiên Tráng, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
30	Trần Thị Viện	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 841 KT/CTN ngày 24/4/1996	Thôn Tiên Tráng, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Võ Thị Chiến	1976	Thôn Tiên Tráng, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
31	Trần Thị Nhị	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 3535/QĐ- CTN ngày 31/12/2014	Thôn Tiên Tráng, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Nguyễn Văn Bảy	1953	Thôn Tiên Tráng, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
32	Trần Thị Lọ	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 132/QĐ- CTN ngày 9/3/2004	Thôn Tiên Tráng, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Huỳnh Văn Phước	1952	Thôn Tiên Tráng, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000

STT	Họ và tên Liệt sĩ	Nguyên quán (xã, huyện)	Số bằng TQGC (Trường hợp không có số bằng thì ghi số hồ sơ quản lý tại cấp tỉnh)	Địa chỉ an táng mộ (ghi rõ thôn/bản, xã, huyện)	Tình trạng mộ (ghi rõ một trong bốn loại: Mộ ốp đá granite, mộ ốp gạch men, mộ vôi vữa, mộ đất)	Họ và tên thân nhân	Năm sinh	Hiện ở	Mối quan hệ với Liệt sĩ	Kinh phí (ĐVT: đồng/mộ)
33	Nguyễn Thị Con	Xã Sơn Cẩm Hà, huyện Tiên Phước	QĐ 1757/QĐ- CTN ngày 25/7/2014	Thôn Tiên Tráng, Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Phan Thị Cho	1967	Thôn Tiên Tráng, Xã Sơn Cẩm Hà	Cháu	10.000.000
III	Xã Tiên Châu: 03 mộ									30.000.000
1	Nguyễn Hích	Quê Xuân, Quê Sơn, Quảng Nam	EE687cm	Thôn Thanh Khê, xã Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Nguyễn Đạo	1944	Khởi phở 1, Thị Trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam (cũ)	Con đẻ	10.000.000
2	Lê Xuân Liên	Thôn Thanh Bôi, xã Xã Sơn Cẩm Hà	EB456	Thôn Thanh Bôi, xã Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Lê Thị Phiên	1947	Thôn Thanh Bôi, xã Xã Sơn Cẩm Hà	Con đẻ	10.000.000
3	Nguyễn Thị Tuất	Thôn Thanh Khê, xã Xã Sơn Cẩm Hà, Tiên Phước, Quảng Nam	QĐ 1516/QĐ - CTN ngày 29/7/2015	Thôn Thanh Khê, xã Xã Sơn Cẩm Hà	Mộ vôi vữa	Nguyễn Đạo	1944	Khởi phở 1, Thị Trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam (cũ)	Con trai	10.000.000
	Tổng cộng	120								1.200.000.000